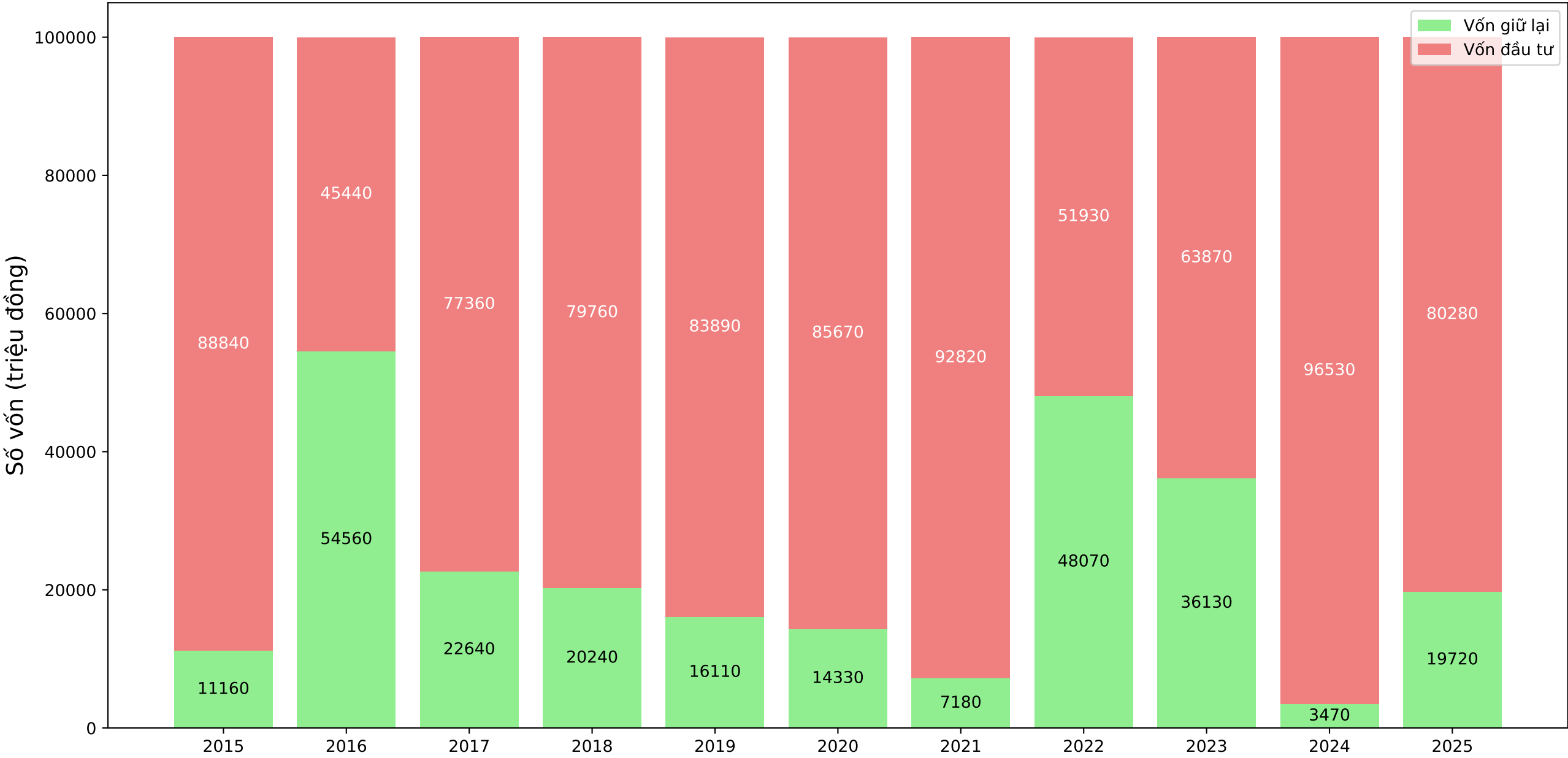


Phân chia vốn



Thông tin top 3

	nSB	RkB	Sy1	nS1	Rk1	Pr1	Sy2	nS2	Rk2	Pr2	Sy3	nS3	Rk3	Pr3
2015	1116	1	PPC	6091	283	0.827	BTP	4549	282	0.876	GSP	2906	289	1.31
2016	5456	1	DRH	1026	261	0.739	SVC	681	106	1.703	PGC	657	188	1.336
2017	2264	1	SVC	3177	274	1.031	SZL	1505	268	1.127	KSB	1384	298	1.12
2018	2024	1	SVC	1624	180	1.02	APC	943	282	0.845	KSB	807	318	0.817
2019	1611	1	PET	2735	170	0.941	SZL	1704	331	0.95	HMC	1243	185	0.766
2020	1433	1	TSC	5596	352	1.749	FIT	5276	350	2.117	HHS	2206	348	2.073
2021	718	1	TGG	4090	347	7.821	HAR	2309	359	1.61	AMD	2222	280	1.623
2022	4807	1	HAI	1326	278	0.29	AMD	1306	309	0.239	HAR	942	368	0.352
2023	3613	2	HHS	5797	338	2.116	HQC	2071	315	1.012	HAP	1705	331	1.264
2024	347	1	HHS	7288	330	0.935	VID	1938	321	0.965	HAR	1602	327	0.772
2025	1972	1	HHS	5364	333	nan	HAR	3772	328	nan	VRC	2720	304	nan

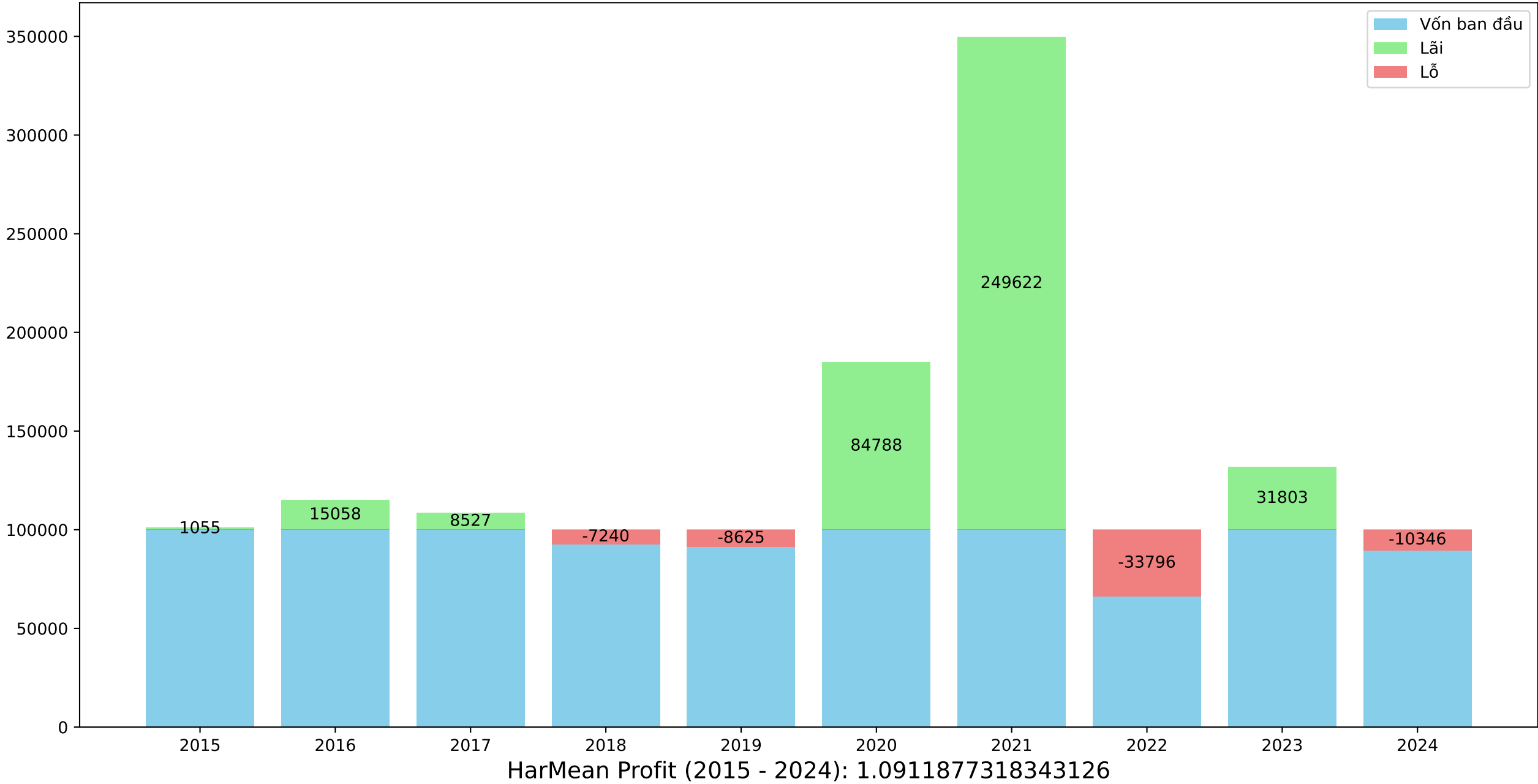
Sy: Mã công ty

Rk: Rank của SUM_RANK

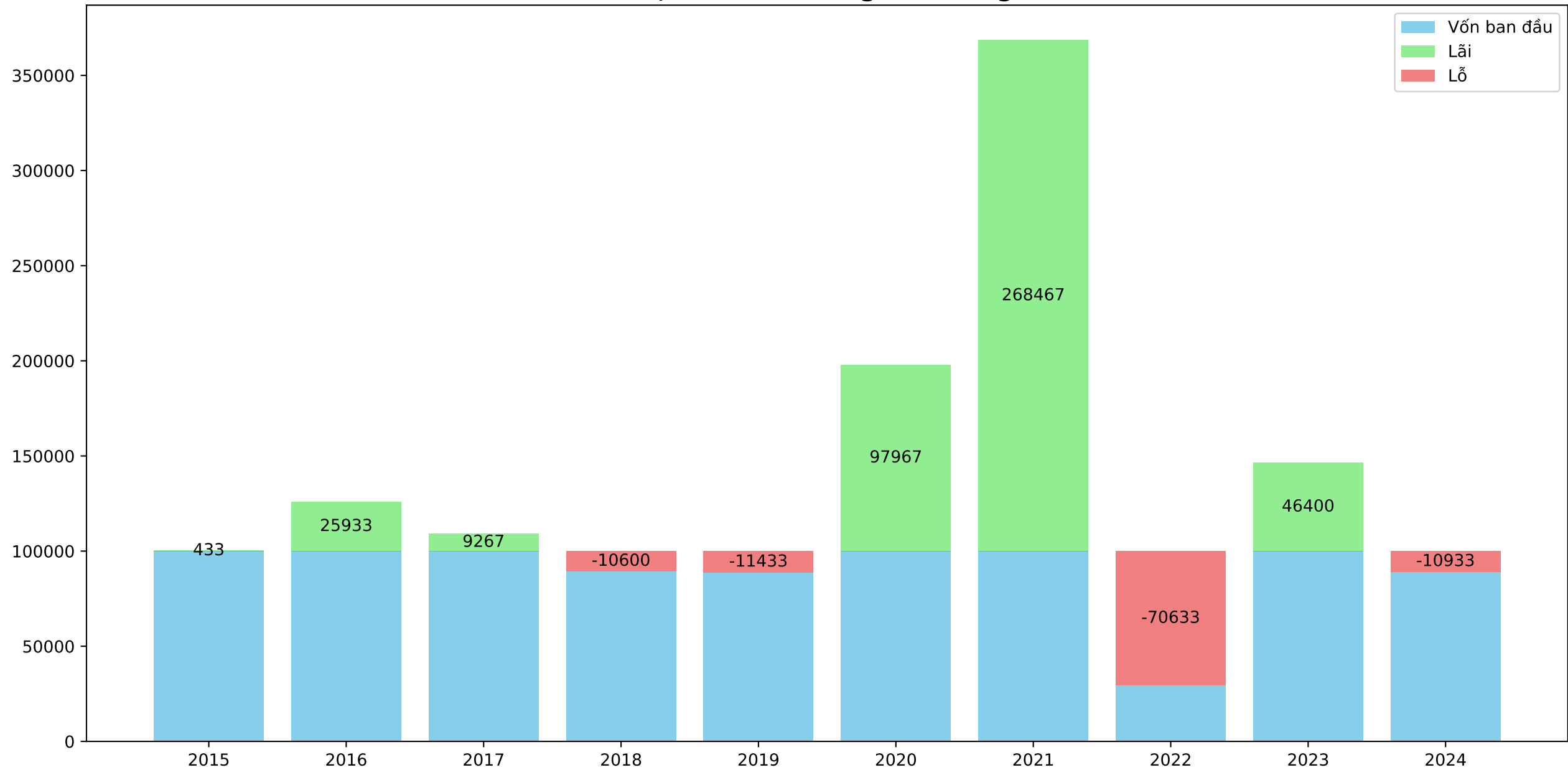
nS: Số lượng gợi ý đầu tư

Pr: Profit (SELL/BUY)

Chiến lược đầu tư không dùng vốn gửi bank



Chiến lược đầu tư dùng cả vốn gửi bank



HarMean Profit (2015 - 2024): 0.9140620655504997